TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-ST
Ngày: 17-8-2022
V/v "Tranh chấp về đòi tài sản là vàng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Năm

2. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim The – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp về đòi tài sản là vàng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh L.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Quốc X, sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh L.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1961 (vợ ông Xuyên); Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh L.

- Chị Huỳnh Thị Kiều O, sinh năm 1983 (con ông Xuyên); Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh L.

(Tất cả các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Lê Thị L trình bày: Bà với vợ chồng ông Huỳnh Quốc X, bà Trần Thị N có mối quan hệ bà con cô cậu. Trước năm 2004, vợ chồng ông Huỳnh Quốc X, bà Trần Thị N gặp khó khăn về kinh tế nên có mượn bằng khoán của bà để đi vay tiền ngân hàng. Sau đó, vợ chồng ông Huỳnh Quốc X, bà Trần Thị N mới chốt số tiền nợ lại thành tương đương 25,5 chỉ vàng 24Kr. Hai bên có lập "biên nhận mượn vàng ngày 22/5/2004", có chữ ký của ông X và bà N. Khi đó, ông X và bà N có giao cho bà một phần đất khoảng 12 công để trừ khoảng nợ 25,5 chỉ vàng 24Kr, tương đương 3,5 chỉ/01 công, nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho bà. Sau đó, bà canh tác phần đất này được gần 02 năm thì phía ông X và bà N đến gặp bà xin ý kiến là đối với phần đất đã giao cho bà L trước đây, đề nghị bà L giao lại cho ông X và bà N để ông X và bà N bán chung với toàn bộ thửa đất của ông X và bà N. Ông X và bà N có hứa là khi bán được đất thì sẽ trả tổng cộng cho bà L 28 chỉ vàng 24Kr là sẽ hết nợ. Nhưng sau khi bán được đất xong, thì ông X và bà N không thực hiện lời hứa trả số vàng 28 chỉ vàng 24Kr cho bà. Bà cũng đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Huỳnh Quốc X, bà Trần Thị N vẫn không trả.

Do vợ chồng ông Huỳnh Quốc X, bà Trần Thị N thiếu nợ vàng đã lâu mà vẫn không trả nên nay bà khởi kiện buộc vợ chồng ông Huỳnh Quốc X, bà Trần Thị N phải trả số vàng đã mượn ngày 22/5/2004 là 25,5 chỉ vàng 24Kr.

Bị đơn là ông Huỳnh Quốc X trình bày: Ông thống nhất vợ chồng ông có mượn của bà Lê Thị L số vàng vào ngày 22/5/2004 là 25,5 chỉ vàng 24Kr. Khi mượn vàng thì vợ chồng ông có giao cho phía bà L một phần đất khoảng 11 công để trừ nợ, nhưng chưa làm thủ tục sang tên chuyển quyền cho bà L. Tuy nhiên, khoảng 02 năm sau, do có nhu cầu bán đất, nhưng vì bằng khoán với phần đất đã giao cho bà L trước đó, nên vợ chồng ông có đến gặp bà L để thương lượng lấy lại phần đất đã giao trước kia để bán chung, sau đó vợ chồng ông sẽ trả số vàng còn nợ là 25,5 chỉ vàng 24Kr cho bà L. Việc bà L trình bày là vợ chồng ông hứa sau khi bán đất xong sẽ trả số vàng 28 chỉ vàng 24Kr cho bà L là không đúng sự thật.

Sau khi bán đất xong thì vợ chồng ông đã mua 25,5 chỉ vàng 24Kr để trả cho bà L. Người trực tiếp mang vàng đi trả là bà Trần Thị N cùng con ruột là Huỳnh Thị Kiều O, nhưng khi đó bên trả vàng là bà N và chị O không có xin lại tờ giấy nợ mượn vàng từ bà L. Nếu như bên mượn vàng chưa trả xong số vàng trên thì tại sao bên cho mượn là bà L lại để đến 20 năm sau mới đi đòi. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi số vàng 25,5 chỉ vàng 24Kr của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị N trình bày: Bà thống nhất với toàn bộ ý kiến trình bày của ông X. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi số vàng 25,5 chỉ vàng 24Kr của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị Kiều O trình bày: Về việc cha mẹ chị mượn vàng từ bà L thì chị không có trực tiếp chứng kiến. Tuy nhiên, khoảng năm 2006 thì chị có cùng với mẹ chị là bà N mang số vàng 25,5 chỉ vàng 24Kr đến nhà của bà L để trả số vàng trên. Khi trả vàng thì

hai bên không có làm giấy tờ gì và chị cùng mẹ chị là bà N cũng không có yêu cầu bà L phải đưa lại bản gốc giấy cho mượn vàng. Do đó, chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi số vàng 25,5 chỉ vàng 24Kr của bà L.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày ý kiến bổ sung như sau:

- Bà Lê Thị L xác định vào năm 2006, sau khi bán được đất thì bà Trần Thị N cùng con là chị Huỳnh Thị Kiều O có mang số vàng 25,5 chỉ vàng 24Kr đến nhà của bà L để trả số vàng nợ theo "Biên nhận ngày 22/5/2004". Tuy nhiên, sau đó bà N có hỏi mượn lại số vàng trên và bà L đồng ý cho mượn, nên bà L mới chưa giao lại bản gốc "Biên nhận ngày 22/5/2004". Do đó, bà L xác định vẫn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Huỳnh Quốc X, bà Trần Thị N phải trả số vàng đã mượn ngày 22/5/2004 là 25,5 chỉ vàng 24Kr.

- Ông Huỳnh Quốc X, bà Trần Thị N, chị Huỳnh Thị Kiều O cùng xác định đã trả xong cho bà L số 25,5 chỉ vàng 24Kr vào năm 2006, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L. Bà N, chị O không thừa nhận có việc bà N mượn lại số vàng 25,5 chỉ vàng 24Kr như lời trình bày của bà L.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh phát biểu ý kiến như sau:

Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa cho thấy ông X, bà N có mượn của bà L 25,5 chỉ vàng 24Kr theo bản gốc "Biên nhận ngày 22/5/2004". Ông X, bà N xác định vào năm 2006, sau khi bán đất đã trả xong số vàng trên cho bà L, người trực tiếp trả vàng cho bà L là bà N và chị O, nhưng không xin lại biên nhận. Xét thấy, tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai và trong quá trình hòa giải, bà L trình bày từ lúc mượn vàng cho đến nay ông X, bà N chưa trả vàng cho bà L. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bà L trình bày là bà N cùng con là chị Huỳnh Thị Kiều O có đến nhà trả 25,5 chỉ vàng 24Kr và có hỏi mượn lại số vàng trên, nên bà Liễu giữ lại bản gốc biên nhận mượn vàng chứ không làm biên nhận mới. Đồng thời, tại biên bản hòa giải ngày 03/4/2022 tại ấp H, xã T thể hiện nội dung: *Bên nguyên đơn Lê Thị L có trình bày có đến nhà trả 25 chỉ 5 vàng, chị Trần Thị N cùng con Huỳnh Thị Thúy O nhưng không trả vàng xin mượn số vàng trên mướn đất mua vật tư để làm lúa tới nay chị L không có đòi tiền và vàng"*. Tất cả điều đó cho thấy trình bày của bà L có nhiều mâu thuẫn. Bà L đã thừa nhận là bà N, chị O có đến nhà trả 25,5 chỉ vàng 24Kr, còn việc bà L cho mượn lại số vàng trên thì không có chứng cứ chứng minh trong khi phía bà N không thừa nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, qua hòa giải, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau tất cả các vấn đề cần giải quyết vụ án. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ vay mượn vàng giữa các bên, thấy rằng: Căn cứ bản gốc "Biên nhận ngày 22/5/2004" (do bà L nộp cho Tòa án) và lời thừa nhận của ông X, bà N. Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định vợ chồng ông Huỳnh Quốc X, bà Trần Thị N có mượn của bà Lê Thị L 25,5 chỉ vàng 24Kr vào ngày 22/5/2004.

[2.2] Xét yêu cầu của bà L về việc đòi vợ chồng ông Huỳnh Quốc X, bà Trần Thị N trả 25,5 chỉ vàng 24Kr đã mượn theo "Biên nhận ngày 22/5/2004", thấy rằng:

[2.2.1] Theo đơn khởi kiện, bà L xác định từ khi mượn vàng cho đến nay thì ông X, bà N không trả, nên bà mới nhờ xã hòa giải và sau đó khởi kiện ra Tòa án. Bà L có cung cấp chứng cứ là bản gốc "Biên nhận ngày 22/5/2004" có chữ ký của ông X, bà N. Ông X, bà N trình bày sau khi bán đất vào năm 2006, thì bà N, chị O có đến nhà bà L và đã trả xong số vàng đã mượn cho bà L, nhưng do chỗ bà con thân thuộc, nên khi trả vàng đã quên lấy lại bản gốc "Biên nhận ngày 22/5/2004". Theo nội dung biên bản hòa giải ngày 03/4/2022 tại Trụ sở Ấp H, xã T, huyện T thì bà Lê Thị L có trình bày: *"Có đến nhà trả 25 chỉ 5 vàng, chị Trần Thị N cùng con Huỳnh Thị Thúy O nhưng không trả vàng xin mượn số vàng trên mướn đất mua vật tư để làm lúa tới nay"*. Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh thì bà L đã xác định: "Tôi xác định vào ngày 03/4/2022, khi Tổ hòa giải ấp H mời tôi và ông X đến để hòa giải theo đơn thưa của tôi thì tôi có trình bày là: *"Chị Trần Thị N cùng con là Huỳnh Thị Kiều O có đến nhà trả cho tôi số vàng 25,5 chỉ vàng 24Kr và có hỏi mượn lại tôi số vàng trên. Do bà N vẫn chưa trả vàng nên tôi vẫn giữ lại bản gốc biên nhận mượn vàng"*. Tại phiên tòa, bà L xác định, vào năm 2006, sau khi ông X bán đất xong khoảng 10 ngày, thì bà N cùng con là chị O có mang số vàng đến nhà bà L để trả, nhưng do bà N có hỏi mượn lại số vàng trên, nên bà L chưa nhận vàng mà tiếp tục cho bà N mượn, nên bản gốc giấy biên nhận ngày 22/5/2004 bà L vẫn giữ.

[2.2.2] Như vậy, chính bà L đã xác định vào năm 2006, sau khi ông X bán đất xong khoảng 10 ngày, thì bà N cùng con là chị O có mang số vàng đến nhà bà L để trả nợ theo biên nhận ngày 22/5/2004. Bà L cho rằng tại thời điểm bà N, chị O trả vàng thì bà L chưa nhận là không phù hợp với chính lời trình bày của bà L. Bởi vì, nếu như bà L chưa nhận số vàng 25,5 chỉ mà bà N, chị O trả thì không thể nào có việc bà L cho mượn lại số vàng trên như lời bà L trình bày. Bên cạnh đó, bà N, chị O cũng không thừa nhận có việc mượn lại vàng như ý kiến của bà L. Điều đó, cho thấy số vàng 25,5 chỉ 24Kr mà ông X, bà N đã mượn của bà L theo bản gốc giấy biên nhận ngày 22/5/2004 đã được bà N, chị O trả xong cho bà L vào năm 2006.

[2.3] Đối với việc bà L cho rằng bà N có mượn lại số vàng 25,5 chỉ vàng 24Kr là một mối quan hệ khác, không liên quan đến số vàng 25,5 chỉ 24Kr mà ông X, bà N đã mượn của bà L theo bản gốc giấy biên nhận ngày 22/5/2004 đang được Tòa án thụ lý giải quyết. Trường hợp bà L có chứng cứ chứng minh bà có cho bà Trần Thị N mượn lại số vàng 25,5 chỉ vàng 24Kr và chưa trả thì bà có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[2.4] Từ những phân tích trên, cho thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Đây là vụ án đòi tài sản, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn là bà Lê Thị L phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000đ. Tuy nhiên, bà L có đơn xin miễn án phí, do là người cao tuổi, thuộc trường hợp miễn toàn bộ án phí. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho bà L. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 264, Điều 467 Bộ luật Dân sự năm 1995; Các Điều 166, Điều 463, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc đòi vợ chồng ông Huỳnh Quốc X, bà Trần Thị N trả 25,5 chỉ vàng 24Kr đã mượn theo "Biên nhận ngày 22/5/2004".

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bà Lê Thị L. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án..

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Tân Thạnh;
-Chi cục THADS huyện Tân Thạnh; (Đã ký)
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Văn Khánh